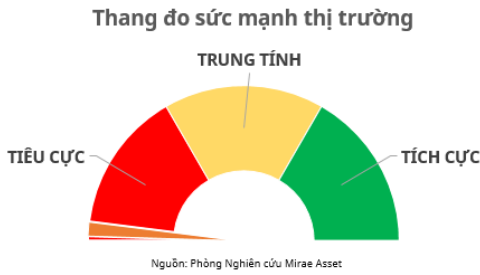


09 Tháng Bảy 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,347.14	-5.15	1.07	53.70
HNX	306.73	-6.49	-3.20	164.06
UPCOM	87.08	-3.92	-0.19	52.35
MSCI EM	1,316.25	-2.89	-4.12	21.91
NIKKEI	27,940.42	-2.93	-3.19	24.02
HANG SENG	27,344.54	-3.41	-4.86	4.33
KOSPI	3,217.95	-1.94	0.06	48.44
FTSE	7,072.52	-0.71	-0.12	16.91
S&P 500	4,320.82	0.54	2.40	37.08
NASDAQ	14,559.79	0.38	4.66	38.04

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.46	2.72	14.92
SET INDEX	29.05	1.66	5.97
JCI INDEX	N/A	2.04	-7.31
PCOMP INDEX	29.22	1.68	5.95

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.08	-1	-3	-84
10 năm	2.17	-2	-5	-72

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,002	-0.02	-0.05	0.81
US\$/KRW	1,149	-1.22	-2.93	4.07
US\$/JPY	110	0.91	-0.38	-2.59
US\$/EUR	0.84	0.23	2.89	-4.67
US\$/GBP	0.73	0.33	2.43	-8.52
US\$/SGD	1.35	-0.56	-2.22	2.79

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	822	932	525
HNX	95	141	73
UPCOM	38	63	33



Nhận định thị trường

NDT tỏ ra thận trọng khiến áp lực bán áp đảo, VN-Index跌 mất hơn 73 điểm trong tuần

Sau khi vượt 1.400, chỉ số đã có 5 phiên giao dịch vùng trên ngưỡng này, tuy nhiên khi nhận thấy tâm lý lạc quan chưa thể giúp VN-Index tiếp tục tăng trong ngắn hạn, hiện tượng chốt lãi đã được kích hoạt. Chỉ số giảm điểm ngay trong phiên đầu tuần, đà giảm sau đó đã mạnh hơn và đẩy VN-Index lùi về dưới mốc 1.350. Với 4 phiên giảm và 1 phiên hồi phục giữa tuần, VN-Index đã kết thúc tuần tại 1.347,14, giảm 73,13 điểm (-5,15%).

Dẫn đầu nhóm cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VN-Index trong tuần là VIC, với mức giảm 7,6% VIC đã kéo VN-Index giảm 8,2 điểm. Tiếp theo là NVL với mức giảm 13% đã làm VN-Index mất 6,3 điểm, HPG xếp thứ 3 với mức ảnh hưởng -6,1 điểm. Bên phía các mã ảnh hưởng tích cực, MWG dẫn đầu danh sách với mức tăng 12,6% đã giúp VN-Index tăng 2,6 điểm

Khối ngoại có tuần mua ròng mạnh với giá trị mua ròng vượt trên 2.500 tỷ đồng, đứng đầu là MBB với giá trị mua ròng hơn 800 tỷ đồng, tiếp theo là VHM với giá trị 720 tỷ đồng, STB xếp thứ 3 với giá trị mua ròng đạt hơn 320 tỷ đồng. NVL sau tuần được mua ròng mạnh đã bị khối ngoại bán ròng hơn 700 tỷ đồng trong tuần này và là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất.

VN-Index đã có tuần giảm điểm mạnh nhất từ tuần 29/01 đến nay, đây là dấu hiệu cảnh báo cho khả năng xảy ra đợt điều chỉnh sâu của chỉ số. Vùng 1.320 – 1.340 sẽ là vùng hỗ ngắn hạn của VN-Index, nhưng chúng tôi nhận thấy xu hướng giảm điểm đã chiếm ưu thế có thể duy trì. Do đó vùng hỗ trợ trên có thể chỉ giúp VN-Index cân bằng ngắn hạn. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-7 (TIÊU CỰC)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	-5	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-7	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã phát hành thành công 6.053 tỷ đồng TPCP, tương ứng tỷ lệ 86,5% tổng lượng phát hành lần đầu và phát hành bổ sung. Tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu đã tăng lên mức 3 lần từ mức 2,4 lần của tuần trước. Cụ thể, kỳ hạn 5 năm phát hành thành công 850/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,08% (-2bps); Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công toàn bộ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,17% (-3bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công toàn bộ 1.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,44% (-2bps) và kỳ hạn 30 năm phát hành thành công 703/1.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 3,05% (+0bps)
- Tuần sau vào ngày 14/07 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 6.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 20 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 30/06 – 02/07, lãi suất đã giảm ở hầu hết các kỳ hạn trừ kỳ hạn 6 tháng. Cụ thể các kỳ hạn O/N, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng, 3 tháng đã giảm về các mức lần lượt 0,9% (-23bps), 1,1% (-22bps), 1,19% (-28bps), 1,43% (-59bps), 1,95% (-29bps). Kỳ hạn 6 tháng ghi nhận mức tăng 5bps lên
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 09/07/21 của NHNN đã tăng 0,073% so với cuối tuần trước, lên mức 23.201 VND/USD. Tỷ giá NHTM đã giữ nguyên tại mức 22.870 – 23.100 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do đã giảm 0,086% chiều mua và 0,128% chiều bán lên mức 23.300 – 23.340 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-7	TIÊU CỰC
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (02/07/2021)	1,347.14	Kháng cự 1 1.420
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2 1.450
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Giảm	Hỗ trợ 1 1.350
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.300

Nhịp giảm tuần này của VN-Index đã làm xu hướng ngắn hạn và trung hạn trở nên tiêu cực. Vùng hỗ trợ gần nhất của VN-Index là vùng 1.320 – 1.350, nhưng chúng tôi nhận thấy xu hướng giảm điểm đã chiếm ưu thế có thể duy trì. Do đó vùng hỗ trợ trên có thể chỉ giúp VN-Index cân bằng ngắn hạn. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-7 (TIÊU CỰC)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

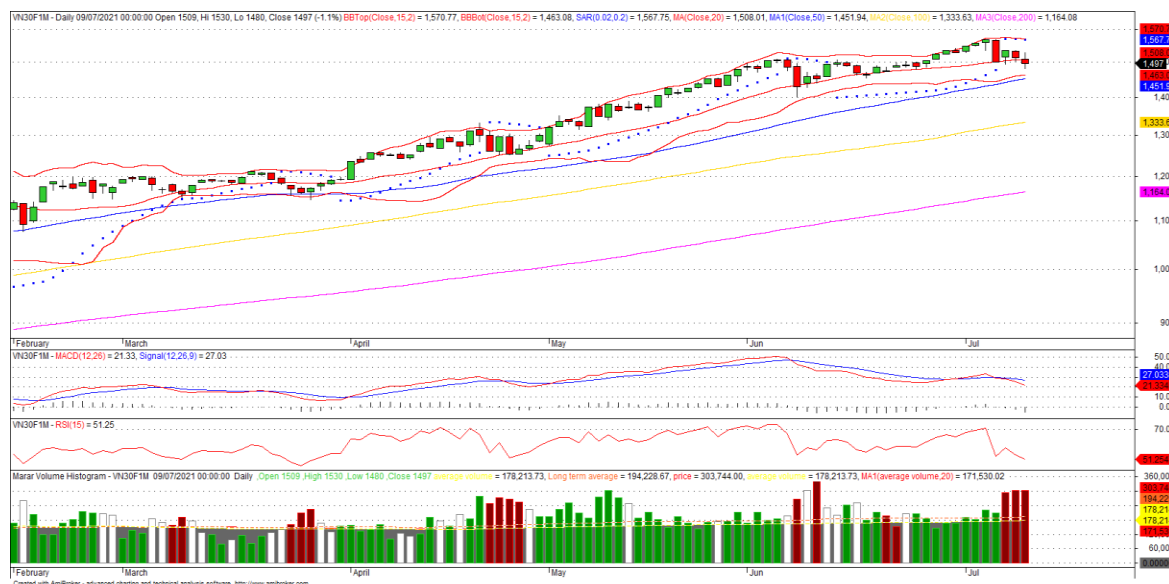
Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (09/07/2021)	1,497	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.520
VN30 – đóng cửa	1.554	Hỗ trợ 1	1.480
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+2.5	Hỗ trợ 2	1.450

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-5	TIÊU CỰC

VN30F1M hiện đã đóng cửa dưới đường MA 20 ngày, đây cũng là mức hỗ trợ ngắn hạn của chỉ số này. Vì vậy chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư có thể xem xét mở vị thế SHORT (Bán) với chiến lược sau:

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	1,511	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	1,520	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	1,450	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.1	14,840,710	-7	TIÊU CỰC	4,778	11.5	1.0
ACB	35.2	9,975,345	-5	TIÊU CỰC	95,109	11.0	2.5
AGR	13.5	3,704,895	-3	TRUNG TÍNH	2,851	23.6	1.4
ART	8.7	4,246,660	-5	TIÊU CỰC	843	32.2	0.8
BID	44.9	3,770,415	-4	TIÊU CỰC	180,589	21.9	2.3
BSI	21.5	1,983,025	-5	TIÊU CỰC	2,614	10.5	1.7
BSR	17.3	19,002,916	-7	TIÊU CỰC	53,639	#N/A N/A	1.7
BVH	53.1	1,510,465	-7	TIÊU CỰC	39,417	20.8	1.9
BVS	27.5	1,316,730	-5	TIÊU CỰC	1,986	10.5	1.0
CII	17.2	2,743,660	-5	TIÊU CỰC	4,109	309.1	0.9
CTG	37.6	19,293,170	-6	TIÊU CỰC	180,697	10.2	2.0
CTR	71	566,380	-4	TIÊU CỰC	6,598	23.6	6.2
CTS	21.4	2,071,535	-5	TIÊU CỰC	2,277	8.8	1.5
DBC	55.3	2,422,420	-4	TIÊU CỰC	6,373	4.4	1.4
DCM	17.05	4,123,435	-7	TIÊU CỰC	9,026	15.2	1.4
DGC	87.9	1,082,645	7	KHẢ QUAN	15,038	16.0	3.6
DGW	144.9	315,765	7	KHẢ QUAN	6,405	18.9	4.9
DIG	23.5	5,099,455	-4	TIÊU CỰC	9,632	12.6	2.0
DPM	20.4	2,763,575	-7	TIÊU CỰC	7,983	10.6	1.0
DRC	27.5	2,966,030	-7	TIÊU CỰC	3,267	11.6	1.9
DXG	23	8,065,810	-2	TRUNG TÍNH	11,921	#N/A N/A	1.8
FIT	16.65	10,698,340	-2	TRUNG TÍNH	4,241	62.3	1.4
FLC	11.15	30,235,684	-5	TIÊU CỰC	7,916	5.8	0.8
FPT	89.7	2,546,080	2	TRUNG TÍNH	81,400	21.9	4.9
FRT	29.1	1,631,010	6	KHẢ QUAN	2,298	122.3	1.8
GAS	91.7	1,224,855	-4	TIÊU CỰC	175,509	23.2	3.5
GEX	22.7	6,335,870	-2	TRUNG TÍNH	17,733	13.5	1.9
GMD	40	2,740,505	-7	TIÊU CỰC	12,055	32.1	2.0
GVR	31.6	6,431,820	-7	TIÊU CỰC	126,400	29.0	2.6
HAH	35.9	1,622,315	7	KHẢ QUAN	1,701	10.3	1.5
HBC	13.45	5,090,325	-5	TIÊU CỰC	3,105	35.1	0.9
HCM	48.1	6,785,830	-5	TIÊU CỰC	14,673	19.5	3.1
HDB	35	4,451,220	-4	TIÊU CỰC	55,782	11.3	2.3
HDC	50.5	974,780	-4	TIÊU CỰC	4,199	15.7	3.4
HDG	45.8	1,431,140	7	KHẢ QUAN	7,494	6.5	2.1
HNG	9.3	14,207,820	-5	TIÊU CỰC	10,310	396.1	1.2
HPG	47.3	29,260,764	-5	TIÊU CỰC	211,569	11.7	3.2
HQC	3.24	13,060,960	-5	TIÊU CỰC	1,544	216.6	0.4
HSG	35.45	11,642,485	-7	TIÊU CỰC	17,338	7.2	2.1
HUT	7.3	4,592,505	-7	TIÊU CỰC	1,961	#N/A N/A	0.7
IDC	34	3,532,145	-4	TIÊU CỰC	10,200	32.5	2.8
IJC	26.75	7,290,735	-5	TIÊU CỰC	5,807	8.7	1.7
ITA	6.11	11,682,000	-7	TIÊU CỰC	5,733	27.6	0.5
KBC	32.2	12,503,040	-7	TIÊU CỰC	15,126	19.7	1.5
KDC	61	1,647,155	-4	TIÊU CỰC	13,954	45.4	2.4
KDH	36.6	2,377,130	-2	TRUNG TÍNH	22,805	18.8	2.7
KSB	23.75	1,571,215	-5	TIÊU CỰC	1,741	6.9	1.1
LPB	28.9	8,880,395	-4	TIÊU CỰC	31,057	13.8	2.1
MBB	41.85	24,266,940	0	TRUNG TÍNH	117,128	11.6	2.3
MBS	32	2,897,555	-4	TIÊU CỰC	10,113	17.7	2.8
MSN	116.9	1,544,045	6	KHẢ QUAN	138,005	91.3	8.5
MWG	176.5	866,290	7	KHẢ QUAN	83,892	19.5	4.9

NKG	32.9	4,220,070	-5	TIÊU CỰC	5,988	9.9	1.6
NLG	38	2,339,205	-4	TIÊU CỰC	10,840	9.5	1.6
NVB	19.1	7,440,580	-2	TRUNG TÍNH	7,770	716.0	1.8
NVL	103.5	3,376,965	-5	TIÊU CỰC	152,518	33.5	4.8
OIL	12.5	2,974,115	-7	TIÊU CỰC	12,928	#N/A N/A	1.4
PAN	24	1,816,580	-5	TIÊU CỰC	5,013	25.5	1.4
PDR	94.4	4,619,520	-2	TRUNG TÍNH	45,951	35.0	8.6
PET	22.6	2,773,730	6	KHẢ QUAN	1,889	12.3	1.2
PHR	50.8	953,940	-4	TIÊU CỰC	6,883	7.2	2.1
PLX	50.8	3,087,200	-5	TIÊU CỰC	63,186	17.4	2.7
PNJ	105.5	552,720	6	KHẢ QUAN	23,987	21.2	4.2
POW	10.8	10,204,400	-5	TIÊU CỰC	25,292	10.4	0.9
PVD	18.5	8,015,445	-7	TIÊU CỰC	7,791	120.6	0.6
PVS	23.4	13,688,370	-5	TIÊU CỰC	11,184	17.0	0.9
PVT	17.6	5,290,695	-7	TIÊU CỰC	5,696	7.7	1.1
REE	52.9	683,555	-4	TIÊU CỰC	16,349	9.2	1.4
ROS	5.19	17,865,156	-5	TIÊU CỰC	2,946	161.9	0.5
SBS	13	3,373,495	-5	TIÊU CỰC	1,647	1,433.3	8.0
SBT	18.1	4,474,235	-5	TIÊU CỰC	11,171	16.0	1.4
SCR	9.4	10,111,910	-7	TIÊU CỰC	3,444	19.5	0.7
SHB	26	25,724,760	-3	TRUNG TÍNH	50,064	14.8	2.0
SHI	22.85	1,464,570	-5	TIÊU CỰC	2,290	30.1	2.1
SHS	42	8,203,390	-4	TIÊU CỰC	8,705	8.9	2.3
SSI	52.6	13,612,675	-4	TIÊU CỰC	34,449	19.0	3.0
STB	29.1	29,092,336	-3	TRUNG TÍNH	52,486	19.5	1.8
SZC	35.3	1,126,315	-4	TIÊU CỰC	3,530	16.7	2.6
TCB	56.6	21,420,044	6	KHẢ QUAN	198,378	13.9	2.5
TCH	20	6,002,435	-5	TIÊU CỰC	7,984	7.8	1.4
TLH	15.2	2,398,935	-7	TIÊU CỰC	1,530	20.1	1.0
TNG	20.1	2,891,245	-5	TIÊU CỰC	1,599	10.7	1.3
TPB	37	4,859,130	0	TRUNG TÍNH	39,652	9.7	2.1
TSC	10.5	3,687,685	-2	TRUNG TÍNH	1,550	107.1	1.0
TTF	7	6,659,665	-6	TIÊU CỰC	2,178	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	109.8	1,983,500	-5	TIÊU CỰC	407,235	19.2	4.0
VCI	55	3,388,830	-4	TIÊU CỰC	18,315	19.3	3.7
VCS	108.4	337,945	-4	TIÊU CỰC	17,344	12.8	4.1
VDS	25	1,349,015	-4	TIÊU CỰC	2,628	7.8	2.1
VGt	16.4	5,717,245	-7	TIÊU CỰC	8,200	28.8	1.3
VHC	39.25	1,954,970	-5	TIÊU CỰC	7,141	10.2	1.3
VHM	112.5	4,580,505	-4	TIÊU CỰC	370,070	14.3	4.1
VIB	52.4	1,656,920	5	KHẢ QUAN	81,385	15.6	4.2
VIC	108.6	1,972,215	-5	TIÊU CỰC	367,332	49.9	4.6
VIX	24	4,069,945	-5	TIÊU CỰC	3,065	4.6	1.5
VJC	118.9	578,755	2	TRUNG TÍNH	64,398	52.7	4.3
VND	41.8	7,082,395	-7	TIÊU CỰC	8,967	12.3	3.2
VNM	87	3,307,365	-4	TIÊU CỰC	181,826	18.6	5.8
VPB	68.8	22,006,364	-4	TIÊU CỰC	168,887	14.9	3.0
VRE	28	4,463,250	-5	TIÊU CỰC	63,625	23.8	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Thông tin cập nhật

Một chỉ số chứng khoán Trung Quốc cận kề thị trường giá xuống

Đóng cửa phiên 8/7, chỉ số Hang Seng China Enterprises (HSCE) giảm 3,2%, đồng nghĩa giảm gần 20% so với đỉnh tháng 2, cận kề thị trường giá xuống. HSCE bị kéo tụt xuống bởi các cổ phiếu công nghệ lớn như Meituan, Alibaba, Tencent, đều giảm giá ít nhất 3,7%. Hang Seng của Hong Kong giảm 2,9%, xóa sạch phần tăng thêm kể từ đầu năm.

Đợt bán tháo xảy ra sau khi cơ quan quản lý mạng Trung Quốc bắt ngờ yêu cầu các cửa hàng ứng dụng gỡ bỏ ứng dụng Didi Chuxing cuối tuần trước, giáng đòn mạnh vào gã khổng lồ gọi xe chỉ vài ngày sau khi công ty này niêm yết tại Mỹ. Tâm lý nhà đầu tư hôm nay thêm tiêu cực bởi ngân hàng trung ương Trung Quốc cảnh báo nền kinh tế có thể xấu hơn dự báo.

Nhà đầu tư lo ngại xuất hiện thêm rắc rối trong lĩnh vực công nghệ bởi Bắc Kinh cân nhắc thay đổi quy định, cản trở công ty Trung Quốc niêm yết ở nước ngoài.

Fed chưa chắc chắn về thời điểm thu hẹp chương trình mua tài sản

Biên bản cuộc họp mới nhất công bố ngày 7/7 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cho thấy giới chức ngân hàng trung ương này bị chia rẽ về thời điểm bắt đầu thu hẹp chương trình mua tài sản, do những yếu tố không chắc chắn về triển vọng nền kinh tế.

Trong biên bản, Fed cho hay một số quan chức kỳ vọng các số liệu sắp công bố sẽ cho thấy điều kiện để Fed có thể bắt đầu giảm tốc độ mua tài sản đến sớm hơn dự kiến trước đó.

Tuy nhiên, một số khác lại coi các số liệu sắp tới chỉ cung cấp những "tín hiệu kém rõ ràng" về các động lực kinh tế cơ bản. Họ đánh giá rằng Fed cần thêm thông tin vào những tháng tới để có thể đánh giá tốt hơn về xu hướng của thị trường lao động và lạm phát.

TP HCM: 3,2 tỷ USD kiều hối đổ về trong 6 tháng đầu năm 2021

Ngày 8/7, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước phụ trách chi nhánh TP HCM cho biết trong nửa đầu năm 2021, lượng kiều hối đổ về TP HCM đạt 3,2 tỷ USD, tăng 22,34% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trước đó, các chuyên gia dự báo cả năm nay lượng kiều hối về TP HCM sẽ đạt khoảng 6,5 tỷ USD, sau khi tăng 15% lên mức kỷ lục 6,1 tỷ USD vào năm ngoái. Như vậy, đến thời điểm này, lượng kiều hối đổ về TP HCM đã đạt khoảng 50% kế hoạch.

Trước đó, 5 tháng đầu năm 2021, kiều hối về TP HCM đạt 2,6 tỷ USD và riêng trong tháng 5, lượng kiều hối chảy về địa bàn thành phố đạt 600 triệu USD.

Fubon FTSE Vietnam ETF rót gần 900 tỷ đồng vào chứng khoán Việt từ đầu tháng 7

Theo số liệu từ Fubon FTSE Vietnam ETF, tổng lượng chứng chỉ quỹ tính đến 8/7 là 720 triệu đơn vị, tăng thêm 66 triệu chứng chỉ quỹ chỉ trong vài phiên giao dịch của tháng 7. Tạm tính theo giá trị mỗi chứng chỉ quỹ là 16,45 Đài tệ, số tiền mà quỹ huy động được thêm là 891 tỷ đồng. Giá trị tài sản ròng tính tới ngày 8/7 là 11,85 tỷ Đài tệ, tương đương 9.728 tỷ đồng.

So với quy mô vốn ban đầu 4.279 tỷ đồng tại thời điểm hoàn tất IPO và niêm yết vào tháng 4, tài sản của Fubon FTSE Vietnam ETF hiện đã tăng hơn gấp đôi với lượng chứng chỉ quỹ lưu hành tăng thêm 87%.

Trong kế hoạch IPO, Fubon FTSE Vietnam ETF dự tính huy động tối đa 10 tỷ Đài tệ, tương đương hơn 8.200 tỷ đồng để đầu tư vào các cổ phiếu Việt Nam.

Fubon FTSE Vietnam ETF thuộc tập đoàn tài chính lớn thứ hai tại Đài Loan (Trung Quốc) - Fubon Financial Holdings. Đây là quỹ ETF đầu tiên đến từ Đài Loan (Trung Quốc) lấy chỉ số FTSE Vietnam 30 làm tham chiếu, tập trung 30 cổ phiếu vốn hóa lớn của Việt Nam. Quỹ niêm yết chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán Đài Loan từ ngày 19/4.

Tính đến 7/7, khoản đầu tư chiếm tỷ trọng lớn nhất trong danh mục của quỹ là Hoà Phát (HoSE: HPG), tiếp đến là Masan (HoSE: MSN), Vinhomes (HoSE: VHM), Novaland (HoSE: NVL) và Vingroup (HoSE: VIC). Chỉ riêng 5 khoản đầu tư đã chiếm gần 50% giá trị danh mục của quỹ.

Xuất khẩu khó chồng khó vì cước tăng, container thiếu

Theo thông tin từ VASEP, từ cuối tháng 11/2020, phí thuê container đi từ Việt Nam (cho cả container hàng khô và hàng lạnh) tăng gấp đôi so với tháng trước và gần gấp 6 lần so với giá đầu năm 2020.

Giá vận chuyển container lạnh từ Việt Nam đi cảng Southampton (Anh) đầu năm 2020 là 1.600 USD/container. Đến tháng 12/2020, con số là 5.000 USD/container. Đến tháng 5, cước phí là 9.100 USD/container, tăng gấp 5,7 lần so với giá đầu năm 2020.

Giá vận chuyển container lạnh từ Việt Nam đi cảng Los Angeles (Mỹ) đầu năm 2020 là 1.800 USD/container, đến tháng 12/2020 là 4.000 USD/container. Đến tháng 5, mức phí là 8.000 USD/container, tăng 4,5 lần so với đầu năm 2020.

Giá vận chuyển container hàng khô từ Việt Nam đi Israel tháng 10/2020 là 2.300 USD/container 20 feet. Tháng 3 năm nay, cước phí lên 6.300 USD/container 20 feet (hãng tàu Haploey, Evergreen) và 7.000 USD/container 20 feet (hãng tàu Zim). Thậm chí có, hãng tàu còn báo cước phí lên đến 11.000 USD/container 20 feet.

Mới đây, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP) kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xem xét và có các chỉ đạo giải quyết tháo gỡ vấn đề thiếu container và đưa giá cước vận chuyển tàu biển trở lại như trước tháng 11/2020.

Theo phản ánh từ các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản hội viên trong thời gian qua, các hãng tàu thông báo tăng giá cước từ 2-10 lần (tùy chặng, tùy hãng). Trong khi đó, doanh nghiệp vẫn rất khó hoặc không thể đặt được container cho nhiều chặng quan trọng. Các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng khác cũng cùng chung cảnh ngộ trên, trong đó có xuất khẩu nông sản.

Tại tọa đàm Nông sản Việt chinh phục thị trường quốc tế mới đây, ông Nguyễn Đình Tùng - Tổng giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Vina T&T Group kiêm Phó Chủ tịch Hiệp hội Rau quả Việt Nam - khẳng định Việt Nam đang thiếu container trầm trọng. Container rỗng đang nằm ở những quốc gia sở hữu tàu lớn và hàng hóa của các nước này xuất khẩu cũng thuận lợi hơn.

Số lượng vỏ container đã đặt được, theo ông Tùng, chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu xuất khẩu của công ty ông. Lượng hàng không thể xuất đi được của đơn vị này có thể rơi vào tay các nước khác vì tàu biển không thuận lợi.

JLL: Giá bán biệt thự, nhà phố TP HCM gấp 2 - 3 lần các tỉnh lân cận

Báo cáo quý II của JLL chỉ ra giá bán sơ cấp trung bình nhà liền thổ (villa, nhà liền kề, nhà phố thương mại) tại TP HCM vào khoảng 5.700 USD/m², tương đương 136 triệu đồng/m². Mức giá này cao gấp 2 - 3 lần các tỉnh lân cận như Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

JLL tính trung bình giá bán sơ cấp trung bình của nhà liền thổ TP HCM và các tỉnh lân cận trong quý II vào khoảng 2.849 USD/m², tương đương hơn 65 triệu đồng/m². Thị trường tiếp tục ghi nhận mức giá tăng 16% cùng kỳ năm trước và 8% so với quý liền trước. Mức tăng này chủ yếu đến từ các dự án quy mô lớn ở TP Thủ Đức, Đồng Nai, Long An và những dự án nằm ở khu vực có mật độ đô thị hóa cao như ở Bình Dương.

Giá dầu tăng cao, PVN ước lãi 6 tháng tăng gấp 3 lần cùng kỳ đạt 21.300 tỷ đồng

Tại cuộc họp giao ban trực tuyến định kỳ ngày 7/7, lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) thông báo lũy kế 6 tháng đầu năm, tổng doanh thu đạt 299.300 tỷ đồng, vượt 20% kế hoạch 6 tháng và tăng 22% so với cùng kỳ 2020. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 21.300 tỷ đồng, vượt 165% kế hoạch 6 tháng và tăng hơn 3 lần so với cùng kỳ 2020.

Lãnh đạo tập đoàn cho biết nhờ tận dụng cơ hội từ sự phục hồi của kinh tế thế giới và giá dầu tích cực, PVN đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu nhiệm vụ chính được giao. Giá dầu thô bình quân 6 tháng đầu năm 2021 là 66,8 USD/thùng, vượt 48% giá kế hoạch. Trong đó, sản lượng khai thác dầu hoàn thành kế hoạch 6 tháng ngay trong tháng 5. Tính chung 6 tháng, sản lượng khai thác dầu thô, condensate vượt 15% so với kế hoạch, góp phần hoàn thành kế hoạch sản lượng khai thác quy dầu 6 tháng đạt 9,68 triệu tấn. Công tác sản xuất xăng dầu, phân đạm cũng vượt kế hoạch được giao.

Bên cạnh đó, PVN cũng triển khai tích cực công tác tối ưu, tiết giảm chi phí. Tổng chi phí tiết giảm ước đạt 1.691,6 tỷ đồng, bằng 62% kế hoạch tiết giảm của năm 2021 và đóng góp quan trọng vào kết quả sản xuất kinh doanh chung của tập đoàn.

Digiworld ước lãi quý II đạt 101 tỷ đồng, tăng 110% so cùng kỳ

Thế giới số (HoSE: DGW) vừa công bố ước tính kết quả kinh doanh quý II/2021 doanh thu ước đạt 4.166 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 101 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 61% và 110% so với cùng kỳ năm 2020.

Các sản phẩm điện thoại di động mang về 2.123 tỷ đồng, chiếm trên 50% doanh thu, tiếp đến là mảng laptop và máy tính bảng đóng góp 1.307 tỷ đồng. Cả hai nhóm sản phẩm tăng trưởng lần lượt 85% và 21% so với cùng kỳ.

Dữ liệu từ Digiworld cũng cho thấy doanh thu tăng trưởng ở tất cả các nhóm sản phẩm. Trong đó mức tăng mạnh nhất ghi nhận ở các sản phẩm thiết bị văn phòng với mức tăng 120% so với cùng kỳ, mang về 657 tỷ đồng, tương đương khoảng 16% tổng doanh thu cho Digiworld.

Với doanh thu các mảng đều tăng trưởng, quý II, Digiworld ghi nhận lợi nhuận đạt hơn 101 tỷ đồng, tăng 110% so với cùng kỳ năm ngoái. Kết quả khả quan dù quý II thường là quý thấp điểm, theo Digiworld.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, Digiworld đạt doanh thu thuần 9.173 tỷ đồng, tăng 87% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 208 tỷ đồng, tăng 123% so với quý II năm ngoái. Kết quả này giúp Digiworld hoàn thành lần lượt 60% và 69% kế hoạch cả năm.

HoSE nhận hồ sơ chào bán riêng lẻ của TPBank

Vừa qua, Sở GDCK TP HCM (HoSE) thông báo nhận hồ sơ chào bán riêng lẻ của TPBank (HoSE: TPB).

Trước đó, HĐQT ngân hàng thông qua phương án tăng vốn điều lệ thêm 1.000 tỷ đồng lên gần 11.717 tỷ đồng, bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ được cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên 2021.

TPBank dự kiến phát hành riêng lẻ 100 triệu cổ phiếu, tương đương 9,33% vốn cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế 3 năm chuyển nhượng đối với nhà đầu tư chiến lược và một năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Với số vốn tăng thêm, TPBank dự kiến đầu tư cơ sở vật chất, phát triển hệ thống công nghệ và mở rộng mạng lưới, đồng thời bổ sung nguồn vốn hoạt động, vốn trung dài hạn để cho vay trung dài hạn...

Năm nay, ngân hàng sẽ không chia cổ tức mà sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối để mở rộng hoạt động kinh doanh.

Vinhomes muốn bán 60 triệu cổ phiếu quỹ

Vinhomes (HoSE: VHM) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua việc bán toàn bộ 60 triệu cổ phiếu quỹ, tương đương 1,79% vốn điều lệ. Doanh nghiệp bán cổ phiếu quỹ để bổ sung vốn lưu động, thời gian thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ và công ty công bố thông tin.

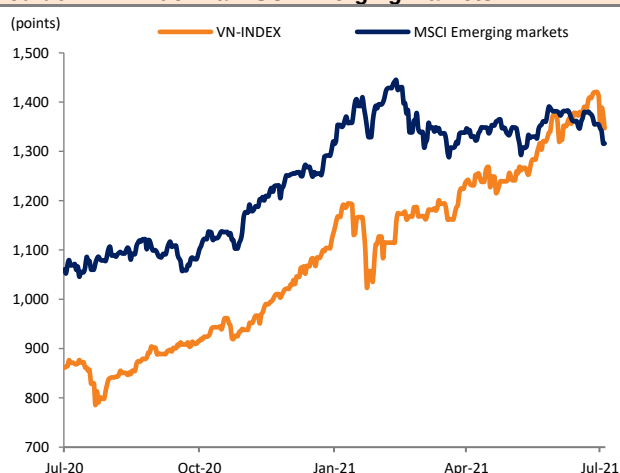
Phương thức giao dịch có thể là khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên sàn chứng khoán. Cổ phiếu VHM hiện có giá 115.000 đồng/cp, tăng 31% tính từ đầu tháng 2. Tạm tính theo giá thị trường, lô cổ phiếu quỹ của Vinhomes có giá 6.900 tỷ đồng.

Đây là lượng cổ phiếu quỹ Vinhomes mua lại từ cuối năm 2019 do ban lãnh đạo đánh giá thị giá cổ phiếu thời điểm đó thấp hơn giá trị thực, doanh nghiệp mua cổ phiếu quỹ nhằm bảo vệ quyền lợi cổ đông. Nguồn vốn thực hiện được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lô cổ phiếu quỹ của Vinhomes có giá trị ghi sổ 5.550 tỷ đồng.

Bản tin thị trường

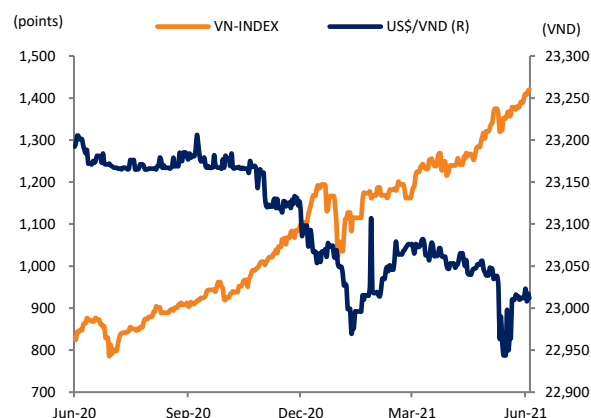
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



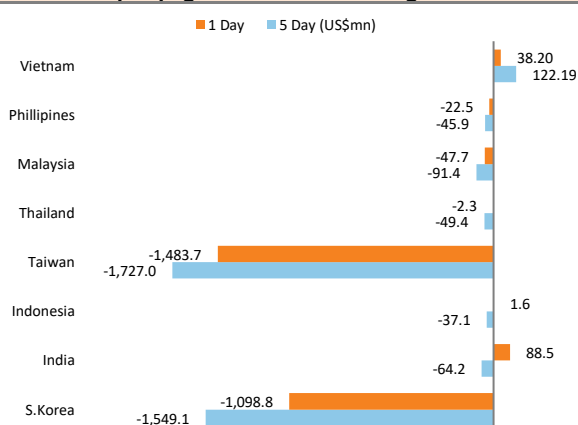
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



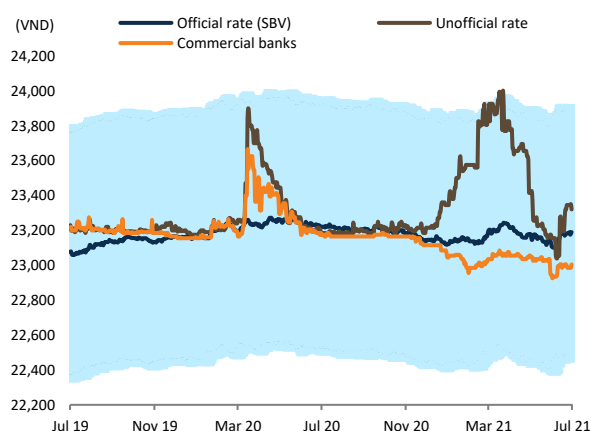
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



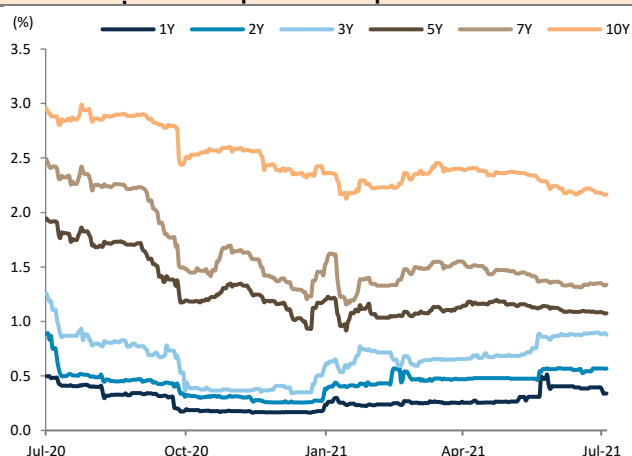
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



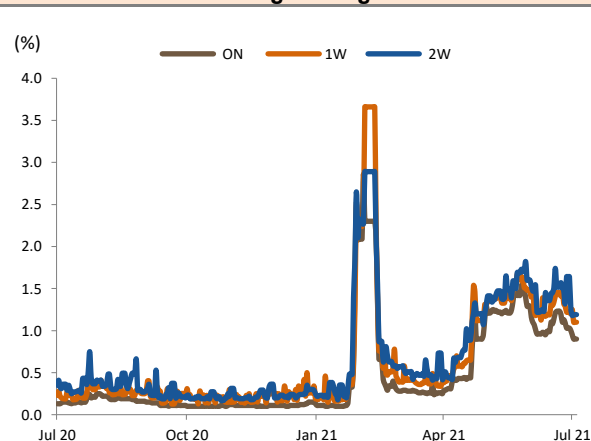
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,494.43	3,654,600		-1.8	-3.9	2.5	82.9	14.5	12.5	2.7	2.3	15.1	16.6	23.3	20.7
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	44,900	180,589	16.6	-2.0	-4.6	-1.2	7.9	19.1	14.0	2.0	1.7	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	53,100	39,417	27.0	-3.3	-10.2	-5.9	11.2	23.0	20.4	1.9	1.8	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	37,600	180,697	24.8	-2.6	-7.9	-3.9	101.4	11.1	9.2	1.8	1.6	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	89,700	81,400	49.0	-0.1	-2.4	9.8	113.4	20.4	16.7	4.5	3.9	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	91,700	175,509	2.8	-1.4	-5.1	4.9	21.9	17.3	15.8	3.3	3.0	31.2	9.9	20.0	20.4
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	35,000	55,782	17.6	-2.6	-5.9	4.8	112.3	10.1	8.4	1.9	1.6	29.4	20.3	21.3	20.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	47,300	211,569	26.3	-3.5	-9.6	-6.0	172.2	7.6	7.2	2.3	1.8	117.7	6.0	42.3	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,600	22,805	32.0	-0.4	-2.7	3.5	76.1	18.9	14.0	2.5	2.1	3.2	35.2	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	41,850	117,128	21.1	-0.6	-3.7	8.6	178.3	10.6	9.1	2.0	1.7	33.2	17.0	21.4	20.8
Tập đoàn Masan	MSN VN	116,900	138,005	33.1	-2.4	2.6	11.9	103.7	49.7	28.9	6.7	5.4	123.0	72.3	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	176,500	83,892	49.0	2.3	12.6	29.4	110.1	16.2	13.5	4.2	3.4	25.9	20.2	26.7	27.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,500	152,518	10.1	-6.6	-13.0	-2.6	120.2	28.0	30.7	4.4	4.3	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	94,400	45,951	4.0	-0.3	-1.6	14.8	401.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,800	63,186	17.2	-2.9	-8.3	-5.6	9.1	18.7	15.5	2.6	2.5	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	105,500	23,987	49.0	-0.1	6.0	10.1	74.1	18.1	14.3	3.9	3.2	35.5	26.7	24.1	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,800	25,292	2.9	-4.8	-10.0	-10.7	8.2	12.1	10.3	0.8	0.8	-10.7	17.8	7.3	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	52,900	16,349	49.0	-0.2	-6.7	-4.7	64.8	9.0	7.3	1.1	1.1	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	18,100	11,171	8.4	-6.2	-13.8	-13.8	24.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	52,600	34,449	47.1	-3.3	-9.2	12.6	231.9	21.6	16.8	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	29,100	52,486	12.7	-3.6	-7.6	-1.7	146.6	25.0	17.1	1.7	1.6	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	56,600	198,378	22.5	0.0	4.2	11.4	170.2	12.2	10.4	2.2	1.8	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	20,000	7,984	13.4	-5.0	-8.5	-9.1	-3.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	37,000	39,652	30.0	-2.0	-2.0	3.1	106.0	8.6	7.3	1.8	1.4	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	109,800	407,235	23.6	-1.1	-4.4	7.6	31.3	17.9	14.9	3.5	2.9	37.4	19.7	22.1	21.7
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	112,500	370,070	23.0	-2.2	-4.7	6.0	39.2	12.0	10.8	3.2	2.5	12.4	11.9	31.5	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	108,600	367,332	15.8	-2.2	-7.6	-8.6	19.3	78.4	49.5	4.0	3.6	-18.1	58.5	7.7	9.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	118,900	64,398	18.3	-1.2	-1.4	3.1	10.0	158.5	24.3	3.5	2.9	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	87,000	181,826	54.9	-1.6	-3.4	-2.4	-9.9	17.7	16.7	5.5	5.2	3.0	6.3	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	68,800	168,887	15.4	-0.7	-4.6	-4.2	201.1	12.2	11.6	2.3	1.9	32.5	5.2	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,000	63,625	30.5	-6.4	-11.7	-11.7	1.6	22.7	18.5	2.1	1.8	17.5	22.7	8.8	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	1D	Biến động giá (%)			P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
				1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-73.13	5,161,262	-2.0	-5.1	1.1	53.7	16.1	13.4	2.6	2.3	14.4	20.4	20.1	18.9
Ô tô và phụ tùng	-0.19	8,039	-1.8	-7.6	-0.7	40.9	6.0	5.5	1.2	1.1	34.5	9.7	12.4	11.9
Ngân hàng	-17.85	1,759,395	-1.4	-3.5	3.0	82.1	14.5	11.7	2.4	2.0	31.6	21.9	19.1	18.9
Xây dựng cơ bản	-2.92	169,961	-1.7	-5.8	-3.3	58.0	6.1	4.4	0.4	0.3	9.7	28.5	5.7	6.3
Dịch vụ thương mại	-0.03	4,577	-1.2	-2.4	2.8	17.2	7.2	5.6	NA	NA	18.8	27.9	10.1	12.2
May mặc và trang sức	0.08	46,095	-0.2	1.0	7.3	139.5	14.1	11.4	2.8	2.4	41.4	22.2	18.1	18.1
Dịch vụ tiêu dùng	-0.07	8,126	-1.0	-3.1	-0.2	14.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	-2.68	92,511	-3.6	-9.9	15.7	206.9	13.1	7.0	0.6	NA	23.3	28.2	9.0	6.8
Năng lượng	-2.33	79,597	-3.1	-9.5	-7.4	21.5	19.4	14.6	2.2	2.2	NA	31.2	13.7	14.6
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-4.66	516,121	-1.9	-3.0	1.9	24.7	24.9	18.1	4.7	4.1	43.3	29.5	20.6	22.0
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.02	807	-2.3	-9.5	-23.1	10.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.01	1,818	-0.7	-1.2	-0.7	-4.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-1.17	47,488	-2.3	-8.0	-2.7	16.4	20.5	18.0	1.7	1.6	11.7	14.0	7.7	8.4
Nguyên vật liệu	-14.31	471,514	-3.9	-9.8	-0.8	148.0	12.8	12.3	1.9	1.0	92.9	-2.9	26.3	19.0
Giải trí và truyền thông	-0.03	1,406	-1.5	-6.0	-10.1	-26.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.10	35,577	-1.3	-6.3	-8.5	33.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-25.09	1,197,626	-0.2	-0.8	-0.9	25.1	8.8	7.6	1.5	1.0	10.4	14.2	9.1	9.6
Bán lẻ	2.63	92,513	-2.6	-6.7	-1.1	57.4	33.3	23.6	2.9	2.6	17.6	18.9	15.5	14.5
Phần mềm và dịch vụ	-0.63	85,844	2.1	11.7	27.0	103.1	15.2	12.6	3.8	3.1	36.8	18.4	24.4	24.8
Thiết bị và phần cứng	0.16	6,405	-0.2	-2.6	9.4	109.4	19.2	15.7	4.2	3.7	29.9	19.3	24.1	24.8
Dịch vụ viễn thông	0.05	1,709	1.0	9.9	27.0	233.1	15.3	13.1	4.0	3.2	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	-1.50	160,260	-4.1	10.8	29.8	331.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-3.74	256,712	-1.2	-3.2	1.2	24.9	66.6	12.1	24.8	1.4	NA	NA	-68.4	-33.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
MWG VN	176,500	12.6	1,273,440	2.6
TCB VN	56,600	4.2	34,783,620	2.2
VIB VN	52,400	4.6	3,409,500	1.0
MSN VN	116,900	2.6	2,285,000	1.0
PNJ VN	105,500	6.0	1,180,080	0.4
DGC VN	87,900	5.6	1,369,140	0.2
DGW VN	144,900	9.9	522,840	0.2
HDG VN	45,800	5.7	2,381,820	0.1
PGD VN	32,900	15.4	16,460	0.1
PME VN	84,000	5.0	640	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	108,600	-7.6	2,309,500	-8.2
NVL VN	103,500	-13.0	4,744,220	-6.3
HPG VN	47,300	-9.6	40,671,960	-6.1
VCB VN	109,800	-4.4	2,143,900	-5.2
GVR VN	31,600	-12.7	6,355,100	-5.0
VHM VN	112,500	-4.7	4,889,380	-5.0
CTG VN	37,600	-7.9	23,620,965	-4.3
GAS VN	91,700	-5.1	1,271,780	-2.6
BID VN	44,900	-4.6	4,008,860	-2.4
VRE VN	28,000	-11.7	5,367,740	-2.3

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.